

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17-8-2022

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Hải Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Hiệp;

Bà Bùi Thị Kiều Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Văn M, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn B, xã T H, huyện ThTh, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Chị Đinh Thị Ng, sinh năm 1981; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã T H, huyện ThTh, tỉnh Thái Bình. Hiện nay chị Ng đang lao động tại Đài Loan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị S, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Thôn B, xã T H, huyện ThTh, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Bùi Văn M trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị Ng tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 25/6/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Th H (nay là xã T H), huyện ThTh, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2015 chị Ng sang Đài Loan lao động. Thời kỳ đầu sang Đài Loan vợ chồng vẫn liên lạc nhưng càng ngày chị Ng càng ít liên lạc và ít quan tâm đến chồng con nên vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Anh M có bảo chị về Việt Nam để gia đình đoàn tụ nhưng chị Ng kiên quyết không về nên mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng căng thẳng hơn. Thỉnh thoảng chị Ng về nghỉ phép cũng chỉ về nhà bố mẹ để chứ không chung sống với anh M. Nay anh M xác định vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh M đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn chị Ng.

+ Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Bùi Mai L, sinh ngày 10/02/2008 và Bùi Bình Ng, sinh ngày 14/3/2012. Ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con chung Bùi Bình Ng và đề nghị Tòa án giao con chung Bùi Mai L cho chị Ng nuôi dưỡng. Anh M đồng ý việc chị Ng ủy quyền cho chị Phạm Thị S (chị gái của chị Ng) nuôi con chung Bùi Mai L. Anh M không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – chị Đinh Thị Ng trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện, hoàn cảnh, thời gian anh chị kết hôn như anh M đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chị lao động tự do, công việc không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Năm 2015 chị đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm của vợ chồng không hợp, vợ chồng không hiểu, thông cảm và không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù gia đình hai bên đã hòa giải, hàn gắn nhưng vợ chồng chị vẫn mâu thuẫn căng thẳng. Nay anh M xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung như anh M đã trình bày. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung Bùi Bình Nguyên cho anh M nuôi dưỡng, giao con chung Bùi Mai L cho chị nuôi dưỡng. Chị ủy quyền chị Phạm Thị S nuôi con chung Bùi Mai L trong thời gian chị đi lao động tại Đài Loan. Chị Ng đề nghị

hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Phạm Thị S trình bày: Chị là chị gái của chị Đinh Thị Ng. Từ khi chị Ng đi lao động tại Đài Loan cháu Bùi Mai L do chị nuôi dưỡng. Cháu L sinh sống ổn định, học hành đầy đủ, phát triển tốt. Chị Sinh đồng ý nhận ủy quyền của chị Ng về việc nuôi cháu Bùi Mai L trong thời gian chị Ng đi lao động tại Đài Loan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho các đương sự, các đương sự có đơn xin xét xử vắng. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh M, chị Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của anh M, chị Ng, Hội đồng xét xử thấy hôn nhân của anh chị không hạnh phúc từ thời điểm chị Ng đi lao động tại Đài Loan. Khi mâu thuẫn căng thẳng, anh M gọi chị Ng về để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn nhưng chị Ng không về Việt Nam, khi chị Ng về Việt Nam nghỉ phép lại không về chung sống với anh M mà về nhà bố mẹ để chị Ng là thể hiện chị Ng không muốn vợ chồng đoàn tụ. Hơn nữa, khi mâu thuẫn căng thẳng anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung, anh M xin ly hôn, chị Ng đồng ý ly hôn. Như vậy mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho anh M ly hôn chị Ng là đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xác định anh chị có 02 con chung là Bùi Mai L , sinh ngày 10/02/2008 và Bùi Bình Ng , sinh ngày 14/3/2012. Anh M có nguyện vọng nuôi con chung Bùi Bình Ng , chị Ng có nguyện vọng nuôi con chung Bùi Mai L

và ủy quyền cho chị Phạm Thị S là chị gái chị Ng nuôi cháu Bùi Mai L trong thời gian chị Ng đi lao động tại Đài Loan. Hội đồng xét xử thấy hiện tại cháu Nguyên đang sinh sống ổn định với anh M, cháu Mai L đang sinh sống ổn định, học tập tốt cùng chị S nên HĐXX đồng ý đề nghị của anh M và chị Ng. Giao con chung Bùi Bình Ng cho anh M nuôi dưỡng, giao con chung Bùi Mai L cho chị Ng nuôi dưỡng. Chấp nhận sự ủy quyền của chị Ng cho chị S về việc nuôi con chung Bùi Mai L. Anh M và chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh M, chị Ng trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Anh M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn M được ly hôn chị Đinh Thị Ng.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Bùi Văn M nuôi con chung Bùi Bình Ng, sinh ngày 14/3/2012, giao cho chị Đinh Thị Ng nuôi con chung Bùi Mai L, sinh ngày 10/02/2008. Chấp nhận việc ủy quyền nuôi cháu Bùi Mai L của chị Đinh Thị Ng cho chị Phạm Thị S trong thời gian chị Ng không ở Việt Nam. Anh M và chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Anh Bùi Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng anh M nộp tại biên lai số 0005364 ngày 06/6/2022 tại Cục Thi hành

án Dân sự tỉnh Thái Bình sang để thi hành án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. anh Bùi Văn M, chị Phạm Thị Sinh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ; Chị Đinh Thị Ng có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh
- Cục THA Dân sự tỉnh Thái Bình
- Đương sự,
- UBND xã T H, huyện ThTh
- Lưu

Lương Hải Yến